

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL23B1KH** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02140** Học kỳ: **02**
Tên MH/MĐ: **Luật Hôn nhân và Gia đình**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2353801015277	Nguyễn Trung An	19/05/1987			8	8.0	7.0		5.0		6.0
2	2353801015278	Huỳnh Văn Chiến	10/07/1977			6	6.0	7.0		5.5		5.9
3	2353801015279	Nguyễn Bé Dư	04/05/1982			5	6.0	6.0		5.5		5.6
4	2353801015280	Lê Thanh Dũng	01/01/1965			7	6.0	7.0		5.5		5.9
5	2353801015281	Huỳnh Văn Đèo	18/03/1988			6	6.0	7.0		6.0		6.2
6	2353801015282	Nguyễn Tạ Trúc Giang	19/09/1982			7	7.0	6.0		5.0		5.6
7	2353801015283	Nguyễn Thị Giang	21/06/1990			7	7.0	6.0		5.5		5.9
8	2353801015284	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	01/11/1985			5	5.0	5.0		5.5		5.3
9	2353801015285	Lê Minh Hiền	20/02/2001			5	6.0	5.0		5.0		5.2
10	2353801015286	Nguyễn Văn Hiền	06/12/1983			7	6.0	7.0		5.5		5.9
11	2353801015287	Thái Xuân Hoàng	02/09/1988			8	8.0	7.0		8.0		7.8
12	2353801015289	Huỳnh Quốc Huy	18/10/1993			7	7.0	6.0		5.5		5.9
13	2353801015290	Nguyễn Hoàng Khanh	01/12/1982			7	7.0	6.0		2.5		4.1
14	2353801015291	Nguyễn Thị Diễm Kiều	14/03/1985			8	7.0	7.0		5.5		6.2
15	2353801015292	Phạm Thị Mỹ Lệ	04/05/1983			7	6.0	7.0		5.5		5.9
16	2353801015293	Ngô Văn Năm	19/11/1975			6	6.0	7.0		5.0		5.6
17	2353801015294	Trịnh Thị Kim Ngân	15/11/1993			6	6.0	7.0		5.5		5.9
18	2353801015295	Trần Văn Nghé	19/05/1985			7	7.0	6.0		5.5		5.9
19	2353801015296	Huỳnh Văn Nghĩa	08/05/1974			7	7.0	6.0		6.5		6.5
20	2353801015297	Nguyễn Đức Nhã	20/05/1974			6	6.0	6.0		5.0		5.4
21	2353801015298	Lê Thành Nhân	10/05/1988			7	7.0	7.0		6.0		6.4
22	2353801015368	Lê Thị Ngọc Thảo	12/08/1987			6	7.0	6.0		5.5		5.9
23	2353801015375	Nguyễn Minh Thuận	19/09/2003			7	7.0	6.0		5.5		5.9

Châu Đốc, ngày 13 tháng 12 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đoàn Thị Ngọc Yến